

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 50 /2007/QĐ-UBND

Đà Lạt, ngày 18 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định giá các loại đất năm 2008
trên địa bàn huyện Đức Trọng - tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ Về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/2007/NQ-HĐND ngày 05/12/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VII - Kỳ họp thứ 10 về khung giá tối đa, tối thiểu và mức giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (áp dụng từ ngày 01/01/2008).

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2221/TTr-STC-GCS ngày 14 tháng 12 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Ban hành kèm theo Quyết định này bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Đức Trọng, để:

1.1. Tính thuế đối với việc sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

1.2. Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Luật Đất đai năm 2003;

1.3. Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trong các trường hợp quy định tại Điều 33 của Luật Đất đai năm 2003;

1.4. Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp Nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hóa, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật Đất đai năm 2003;

1.5. Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật;

1.6. Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế quy định tại Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai năm 2003;

1.7. Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất thì mức giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất hoặc trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất không được thấp hơn mức giá quy định tại Quyết định này.

3. Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định này không áp dụng đối với trường hợp người có quyền sử dụng đất thỏa thuận về giá đất khi thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê lại quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng có trách nhiệm xây dựng phương án điều chỉnh giá các loại đất trên địa bàn huyện Đức Trọng gửi Sở Tài chính (chủ trì), Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và Cục Thuế thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trong các trường hợp sau:

1. Khi cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thay đổi mục đích sử dụng đất, loại đô thị, loại đường phố và vị trí đất làm cho giá đất tại đó biến động.

2. Khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, Nhà nước thu hồi đất và trường hợp doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa lựa chọn hình thức giao đất mà giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm giao đất, thời điểm có quyết định thu hồi đất, thời điểm tính giá đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2008 và thay thế Quyết định số 3730/QĐ-UBND ngày 18/12/2006 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn huyện Đức Trọng - tỉnh Lâm Đồng.

2. Các trường hợp trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, nếu chưa được giải quyết thì thực hiện theo Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Đức Trọng; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /-g

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH và Báo Lâm Đồng;
- Như Điều 4;
- LĐ và CV VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Trung tâm tin học;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Đức Hòa

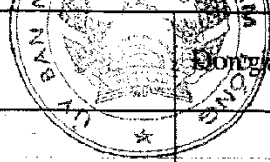
- Nếu bạn muốn gửi tài liệu in đi xa
 - Hay bạn có tài liệu muốn chia sẻ với mọi người
 - Không cần scan, chỉ cần Fax vào số (04) 275.45.11
- Tài liệu sẽ được số hoá thành file (như file này) ngày sau khi bạn Fax tài liệu xong và chúng tôi sẽ gửi lại file tài liệu cho bạn.**

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2008

TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỨC TRỌNG


(Kèm theo Quyết định số 50 /2007/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2007
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ:



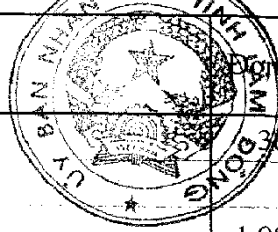
SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
1	Đường quốc lộ 20	
1.1	Từ giáp xã Phú Hội đến giáp đường Hồ Xuân Hương	1.200
1.2	Từ giáp đường Hồ Xuân Hương đến hết nhà số 857 Quốc lộ 20 cạnh trường tiểu học Nam Sơn	1.560
1.3	Từ hết đất nhà 857 QL 20 đến ngã tư Phan Đình Phùng	2.880
1.4	Từ ngã tư Phan Đình Phùng đến đường Hà Huy Tập (cạnh nhà 602 QL 20)	3.840
1.5	Từ ngã ba đường Hà Huy Tập (cạnh nhà 602 QL 20) hết trụ sở UBND huyện	5.400
1.6	Từ hết trụ sở UBND huyện đến giáp đường Nguyễn Tri Phương	4.200
1.7	Từ giáp đường Nguyễn Tri Phương đến giáp số nhà 160 và 263 - Quốc lộ 20 - Khu phố 6	2.880
1.8	Từ nhà số 160 và 263 - Quốc lộ 20 - đến hết nhà 132 và 207	3.600
1.9	Từ giáp nhà 132 và 207 - QL 20 đến giáp hẻm 108 và hết nhà ông Tường CA.	2.880
1.10	Từ nhà ông Tường CA đến ngã ba đường Lê Thị Pha	2.400
1.11	Từ ngã ba đường Lê Thị Pha đến giáp xã Hiệp Thành	1.920
2	Đường nhánh của quốc lộ 20	
2.1	Khu phố 12	
2.1.1	Từ hết đất nhà số 1185 (ranh Phú Hội - Liên Nghĩa đi Phú Hội)	300
2.1.2	Từ hết đất nhà số 1122 (ranh Phú Hội - Liên Nghĩa đi Tân Phú)	
	- Từ hết đất nhà 1122 vào 100m	300
	- Đoạn còn lại	180
2.1.3	Từ hết đất nhà 1110	
	- Từ hết đất nhà 1110 đến ngã ba sát nhà ông Nguyễn Đúng	300

SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
	- Đoạn còn lại	180
2.1.4	Từ hết đất nhà 1064	
	- Từ hết đất nhà 1064 đến ngã ba sát nhà 1064/10	300
	- Đoạn còn lại	240
2.1.5	Từ hết đất nhà 1155 đến hết đường	300
2.1.6	Đường nhánh sát cây xăng Liên Nghĩa đến ngã ba đối diện đất ông Nông Viết Hoàng	300
2.1.7	Từ hết đất nhà số 966 đến hết tổ 16.	300
2.1.8	Từ hết đất nhà số 966 đến ngã ba cây Quéo.	300
2.1.9	Đường nhánh từ nhà số 902 đến giáp đường ngã ba đi cây Quéo	300
2.2	Khu phố 10	
2.2.1	Đường nhánh từ hết đất nhà số 1025 đến hết đường	300
2.2.2	Đường nhánh từ hết đất nhà số 983 đến hết đường	300
2.2.3	Đường nhánh từ hết đất nhà số 915 đến đường Hoàng Văn Thụ	300
2.2.4	Đường nhánh từ hết đất nhà số 895 đến hết đường	300
2.2.5	Đường nhánh từ hết đất nhà số 857 đến Hoàng Văn Thụ	840
2.3	Khu phố 8	
2.3.1	Đường nhánh từ hết đất nhà số 832 đến hết đường	360
2.3.2	Đường nhánh từ hết đất nhà số 774 đến hết đường	300
2.3.3	Đường nhánh từ hết đất nhà số 831 đến hết đường	300
2.3.4	Đường nhánh từ hết đất nhà số 819A đến hết đường	300
2.3.5	Đường nhánh từ hết đất nhà số 789 đến đường Hoàng Văn Thụ	1.440
2.3.6	Đường nhánh từ hết đất nhà số 773 đến hết đường	300
2.5	Khu phố 4	
2.5.1	Đường nhánh từ hết đất nhà số 595 đến hết nhà 501/2	600
2.5.2	Đường nhánh từ hết đất nhà số 583 đến giáp ngã ba hẻm 553	600
2.5.3	Đường nhánh từ hết đất nhà số 553 đến ngã ba hết nhà 553/16	720
2.5.3.1	Các nhánh còn lại từ ngã ba hết nhà 553/16 đến hết đường	300
2.5.4	Đường nhánh từ hết đất nhà số 501 đến giáp nhà 501/3	600
2.5.5	Đường nhánh từ hết đất nhà số 459 giáp quốc lộ 20 đến hết đường	360
2.5.6	Đường nhánh sát nhà ông Thế đến hết đường	240



SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
2.5.7	Đường nhánh từ hết đất nhà số 335 (Từ Miếu Ba Cô đến giáp đường Cao Bá Quát)	360
2.6	Khu phố 6	
2.6.1	Đường nhánh từ hết đất nhà số 108 đến ngã ba sát nhà 108/1	420
2.6.2	Đường nhánh từ hết đất nhà số 102 đến hết đường	420
2.6.3	Đường nhánh từ hết đất nhà số 68 (đường vào UBND huyện cũ) đến hết đường	600
2.6.4	Đường nhánh từ hết đất nhà số 56 đến hết đường	240
2.6.5	Đường nhánh từ hết đất nhà số 46 đến hết giáp đất nhà 46/2	360
2.6.6	Đường nhánh từ hết đất nhà số 26 đến ngã ba giáp nhà 26/9	300
2.7	Khu phố 1	
2.7.1	Đường nhánh từ hết đất nhà số 496 đến hết đường	960
3	Quốc lộ 27	
3.1	Từ Quốc lộ 20 đến hết nhà số 17 và nhà 26 – Quốc lộ 27	3.600
3.2	Từ giáp nhà số 17 và nhà 26 – QL 27 đến cổng sát nhà số 37	2.700
3.3	Từ cổng sát nhà số 37 đến giáp hàng rào sân bay Liên Khương.	1.980
3.4	Từ hàng rào sân bay Liên Khương đến giáp ngã ba sát nhà số 96	1.560
3.5	Từ ngã ba sát nhà số 96 đến giáp xã Liên Hiệp	1.200
3.6	Đường nhánh của quốc lộ 27	
3.6.1	Đường nhánh từ hết đất nhà số 62 đến ngã ba	360
3.6.2	Đường nhánh từ hết đất nhà số 74 đến ngã tư	360
3.6.3	Đường nhánh từ hết đất nhà số 96 đến ngã ba	360
4	Đường Lê Thị Pha	
4.1	Từ giáp quốc lộ 20 đến ngã ba rẽ vào đường Lê Văn Tám	540
4.2	Đoạn còn lại của đường Lê Thị Pha	360
5	Đường Lê Văn Tám	
5.1	Từ quốc lộ 27 đến ngã ba (đi trường Quân sự địa phương)	720
5.2	Từ ngã ba đến ngay cổng trường Quân sự địa phương	720
5.3	Từ ngã ba đến hết đất trường Dân tộc nội trú	720
5.4	Các đoạn còn lại thuộc đường Lê Văn Tám	360

SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
6	Đường Cao Bá Quát	
6.1	Từ quốc lộ 20 đến ngã ba số nhà 07	480
6.2	Đoạn còn lại của đường Cao Bá Quát	240
7	Đường Ngô Gia Khảm	840
8	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1.200
8.1	Đường nhánh từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Lê Quý Đôn	840
9	Đường Lê Quý Đôn	1.200
10	Đường Chu Văn An	1.200
10.1	Nhánh số 1 (từ nhà số 10 đến nhà số 10/15)	300
10.2	Nhánh số 2 (từ nhà số 12A đến nhà số 12A/15)	300
11	Đường Nguyễn Tri Phương	
11.1	Từ Quốc lộ 20 đến ngã ba rẽ vào nghĩa trang	720
11.2	Đoạn còn lại của đường Nguyễn Tri Phương	300
12	Đường Nguyễn Thiện Thuật	
12.1	Từ Quốc lộ 20 đến hết nhà số 30 và 21	960
12.2	Đoạn còn lại của đường Nguyễn Thiện Thuật	420
13	Đường Tô Hiến Thành	
13.1	Từ đường Thống Nhất đến hết nhà số 40 và 11	960
13.2	Đoạn còn lại của đường Tô Hiến Thành	420
14	Đường Phan Chu Trinh	
14.1	Từ đường Thống Nhất đến hết nhà số 18 và 31	960
14.2	Đoạn còn lại của đường Phan Chu Trinh	420
15	Đường Nguyễn Thái Học	
15.1	Từ đường Thống Nhất đến hết 32B và 47	1.080
15.2	Đoạn còn lại của đường Nguyễn Thái Học	420
16	Đường Phan Bội Châu	
16.1	Từ đường Thống Nhất đến hết nhà 42 và giáp đất nhà số 37	960
16.2	Đoạn còn lại của đường Phan Bội Châu	420
17	Đường Hàm Nghi	
17.1	Từ đường Thống nhất đến hết nhà số 18 và 45	1.080
17.2	Đoạn còn lại của đường Hàm Nghi	420
18	Đường Bùi Thị Xuân	
18.1	Từ đường Thống nhất đến hết nhà số 15 và 54	1.080



SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
18.2	Đoạn còn lại của đường Bùi Thị Xuân	360
19	Đường Sư Vạn Hạnh	
19.1	Từ đường Thống Nhất đến ngã ba sát nhà số 44	1.080
19.2	Đoạn còn lại của đường Sư Vạn Hạnh	480
20	Đường Cù Chính Lan	
20.1	Từ đường Thống Nhất đến ngã ba hết nhà số 43 và 46	1.080
20.2	Đoạn còn lại của đường Cù Chính Lan	420
21	Đường Nguyễn Du	
21.1	Từ đường Thống Nhất đến hết nhà số 18 và 31	960
21.2	Đoạn còn lại của đường Nguyễn Du	360
22	Đường Lê Thánh Tông	
22.1	Từ đường Thống Nhất đến ngã ba hết nhà số 29 và 40	720
22.2	Đoạn còn lại của đường Lê Thánh Tông	300
23	Đường Kim Đồng	
23.1	Từ đường Thống Nhất đến hết nhà số 28 và 31	480
23.2	Đoạn còn lại của đường Kim Đồng	240
24	Đường Tô Hiệu	
24.1	Từ Thống Nhất đến hết đường	480
24.2	Đường nhánh từ hết đất nhà số 04 đến hết đường	360
24.3	Đường nhánh từ hết đất nhà số 42 đến hết đường	360
24.4	Đường nhánh từ hết đất nhà số 19 (từ nhà ông Ngoan sang Kim Đồng)	180
25	Đường Võ Thị Sáu	
25.1	Từ đường Thống Nhất đến hết nhà số 18 và 59 (sát đoạn còn lại của Võ Thị Sáu)	480
25.1.1	Đoạn còn lại của đường Võ Thị Sáu	300
25.2	Đường nhánh từ hết đất nhà số 02 đến hết đường	300
26	Đường Bế Văn Đàn	
26.1	Từ đường Nguyễn Trãi đến hết trường Dân lập Trung Sơn	360
26.2	Đoạn còn lại của đường Bế Văn Đàn	240
27	Đường Ngô Quyền	
27.1	Từ đường Thống Nhất đến giáp trụ sở Khu phố 7	360

SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
27.2	Đường nhánh từ hết đất nhà số 01 đến hết đường	300
27.3	Đoạn còn lại của đường Ngô Quyền	180
28	Đường Quang Trung	
28.1	Từ đường Thống Nhất đến ngã tư hết nhà số 70 và 65	300
28.2	Đoạn còn lại của đường Quang Trung	216
29	Đường Lê Lợi	
29.1	Từ đường Thống Nhất đến ngã tư hết nhà số 78 và 43	300
29.2	Đoạn còn lại của đường Lê Lợi	180
30	Đường Hà giang	240
31	Đường Bạch Đằng	
31.1	Từ đường Thống Nhất đến hết nhà số 08 và 03	300
31.2	Đoạn còn lại của đường Bạch Đằng	180
32	Đường Nguyễn Bá Ngọc	240
33	Đường Nguyễn Trãi	
33.1	Từ ngã ba đường Bạch Đằng đến ngã tư đường Ngô Quyền	240
33.2	Từ ngã tư Ngô Quyền đến ngã tư đường Lê Thánh Tông	360
33.3	Từ ngã tư Lê Thánh Tông đến ngã ba đường Bùi Thị Xuân	660
33.4	Từ ngã ba Hàm Nghi đến ngã ba đường Phan Chu Trinh	600
34	Đường Nguyễn Đình Chiểu	
34.1	Từ đường Hoàng Văn Thụ đến ngã tư đường Lý Thường Kiệt	360
34.2	Đoạn còn lại của đường Nguyễn Đình Chiểu	240
35	Đường Thống Nhất	
35.1	Từ giáp xã Phú Hội đến ngã ba đường Bạch Đằng	720
35.2	Từ ngã ba đường Bạch Đằng đến ngã ba đường Võ Thị Sáu	1.320
35.3	Từ ngã ba đường Võ Thị Sáu đến ngã tư đường Hoàng Văn Thụ	1.920
35.4	Từ ngã tư Hoàng Văn Thụ đến ngã ba đường Trần Hưng Đạo	3.600
35.5	Từ ngã ba Trần Hưng Đạo đến ngã ba đường Hàm Nghi	4.800
35.6	Từ ngã ba đường Hàm Nghi đến ngã ba Phan Chu Trinh Km270 (giáp đường Nguyễn Thiện Thuật)	4.200
35.7	Từ ngã ba Phan Chu Trinh đến ngã ba Km270 (giáp đường Nguyễn Thiện Thuật)	3.600

SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
35.8	Đường nhánh đường Thống Nhất	
35.8.1	Đường nhánh từ hết đất nhà số 27 đến hết nhà 27/31	720
35.8.2	Đoạn còn lại của đường nhánh từ nhà 27/31 đến hết đường	360
35.8.3	Đường nhánh từ hết đất nhà số 40 đến hết đường	960
35.8.4	Đường nhánh từ hết đất nhà số 124 (đường Phế binh cũ)	960
35.8.5	Đường nhánh từ hết đất nhà số 176 đến hết đường	960
35.8.6	Các đường nhánh của đoạn giáp xã Phú Hội đến ngã 3 Bạch Đằng	240
36	Đường Hoàng Văn Thụ	
36.1	Từ đường Thống Nhất đến ngã tư Lý Thường Kiệt ngã ba duy tu	1.800
36.2	Từ ngã tư Lý Thường Kiệt đến ngã ba duy tu	1.560
36.2.1	Các đường nhánh thuộc đoạn từ đường Thống Nhất đến ngã 3 Duy Tu	240
36.3	Từ ngã ba duy tu đến ngã ba ra trường Tiểu học Nam Sơn	1.200
36.3.1	Đường nhánh từ hết đất nhà số 179 đến hết nhà số 179/4	360
36.3.2	Đoạn còn lại (2 nhánh còn lại)	240
36.4	Từ ngã ba ra trường Tiểu học Nam Sơn đến Quốc lộ 20 (gần trụ sở khu phố 10)	840
37	Đường Trần Hưng Đạo	5.400
37.1	Đường nhánh từ hết đất nhà số 127 Trần Hưng Đạo đến hết đường	1.800
37.2	Đường nhánh từ hết đất nhà số 131 Trần Hưng Đạo đến hết đường	1.800
38	Đường Lê Anh Xuân	4.800
39	Đường Duy Tân	4.800
40	Đường Hải Thượng Lãn Ông	4.800
41	Đường Hai Bà Trưng	5.400
42	Đường Ngô Gia Tự	2.400
43	Đường 2-4	2.400
43.1	Đường nhánh từ đường 2/4 đến Hai Bà Trưng	1.200
44	Đường Phạm Văn Đồng	6.000
45	Đường nối đường Trần Hưng Đạo đến đường Hải Thượng Lãn Ông	4.800

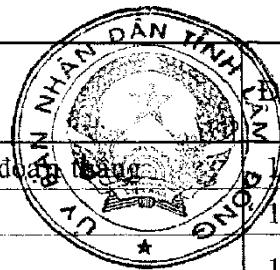
SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
46	Đường nối đường Trần Hưng Đạo đến đường Hai Bà Trưng	4.800
47	Đường Hoàng Quốc Việt	4.800
48	Đường Phan Huy Chú	4.200
49	Đường Nguyễn Công Hoan	3.600
50	Đường Nguyễn Bình Khiêm	1.920
51	Đường Trần Quốc Toản	1.440
51.1	Đường nhánh từ hết đất nhà số 30 đến đường Trần Hưng Đạo.	1.440
52	Đường Lý Thường Kiệt	
52.1	Từ đường Trần Hưng Đạo đến giáp đường Hoàng Văn Thụ	3.000
52.2	Đoạn còn lại của đường Lý Thường Kiệt	360
53	Đường Nguyễn Khuyến	1.440
54	Đường Phan Đình Phùng (từ Hoàng Văn Thụ đến QL 20)	1.200
55	Đường Hồ Xuân Hương	
55.1	Đoạn từ Quốc lộ 20 đến hết hồ Nam Sơn	600
55.2	Đoạn còn lại của đường Hồ Xuân Hương	480
56	Đường Lê Hồng Phong	
56.1	Từ quốc lộ 20 đến ngã tư chùa Hải Đức	1.800
56.2	Từ ngã tư chùa Hải Đức đến hết đất nhà ông Ngự	1.080
56.3	Từ hết đất nhà ông Ngự đến hết trường Nghĩa Hiệp	840
56.4	Đoạn còn lại của đường Lê Hồng Phong	480
57	Khu tái định cư lô 90	
57.1	Mặt đường rộng 10 mét	1.440
57.2	Mặt đường rộng 6 mét	1.080
57.3	Mặt đường rộng 4 mét	840
58	Khu Nam sông Đa Nhim	120
GIÁ ĐẤT QUY HOẠCH TÂY NAM SƠN:		
1	Đường Đào Duy Từ	1.440
	Các đường nhánh của đường Đào Duy Từ đi vào lô Thanh Thanh	960
2	Đường Nguyễn Trung Trực	1.080
3	Đường Tú Xương	1.080
4	Đường Phạm Ngọc Thạch	1.080

SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
5	Đường Phạm Hồng Thái	840
6	Đường Trần Nhân Tông	
6.1	Từ hết đất huyện đoàn đến ngã ba Tú Xương	2.040
6.2	Từ ngã ba Tú Xương đến đường Đào Duy Từ	1.440
7	Đường Phạm Ngũ Lão	
7.1	Đoạn Đoàn Thị Điểm đến Đào Duy Từ	1.080
7.2	Đoạn từ Đào Duy Từ đến giáp khu quy hoạch lô Thanh Thanh	960
8	Đường Xuân Thủy	1.200
9	Đường Đoàn Thị Điểm	1.080
10	Đường Tô Vĩnh Diện	
10.1	Từ Quốc lộ 20 đến ngã ba đường Đoàn Thị Điểm	1.560
10.2	Từ Ngã ba Đoàn Thị Điểm đến ngã ba Nguyễn Trung Trực	1.080
10.3	Từ ngã ba Nguyễn Trung Trực đến giáp đường Trần Phú	840
11	Đường Trần Phú	
11.1	Từ Quốc lộ 20 đến ngã ba Xuân Thủy	3.000
11.2	Từ ngã ba Xuân Thủy đến ngã Ba Phạm Hùng.	2.400
11.3	Từ ngã ba Phạm Hùng đến ngã ba Đào Duy Từ	1.800
11.4	Từ ngã ba Đào Duy Từ đến giáp Thanh Thanh	1.440
12	Đường Nguyễn Văn Linh	
12.1	Từ giáp Quốc lộ 20 đến ngã ba Phan Đăng Lưu	1.800
12.2	Từ ngã ba Phan Đăng Lưu đến ngã tư Phạm Hùng	1.200
12.3	Từ ngã tư Phạm Hùng đến ngã tư Huỳnh Thúc Kháng	840
12.4	Từ ngã tư Huỳnh Thúc Kháng đến đường Nguyễn Văn Cừ	480
13	Đường trục 78 – 79	720
14	Đường Huỳnh Thúc Kháng	480
15	Đường Đinh Tiên Hoàng	
15.1	Từ Quốc lộ 20 đến ngã tư Phan Đăng Lưu	1.440
15.2	Từ ngã tư Phan Đăng Lưu đến ngã tư Trường Chinh	1.200
15.3	Từ ngã tư Trường Chinh đến ngã ba Huỳnh Thúc Kháng	960



SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
15.4	Từ ngã ba Huỳnh Thúc Kháng đến đường Nguyễn Văn Cừ	600
16	Đường nhánh 564	600
17	Đường Hà Huy Tập	
17.1	Từ Quốc lộ 20 đến ngã tư Phan Đăng Lưu	1.440
17.2	Từ ngã tư Phan Đăng Lưu đến ngã tư Trường Chinh	1.200
17.3	Từ ngã tư Trường Chinh đến ngã tư An Dương Vương	720
17.4	Từ ngã tư An Dương Vương đến đường Nguyễn Văn Cừ	480
18	Đường Lê Thị Hồng Gấm	
18.1	Từ ngã tư Phan Đăng Lưu đến ngã ba An Dương Vương	840
18.2	Từ ngã ba An Dương Vương đến ngã ba Nguyễn Văn Cừ	480
19	Đường trục 87 - 100	420
20	Đường An Dương Vương	480
21	Đường Tăng Bạt Hổ	600
22	Đường Phan Đăng Lưu	
22.1	Từ ngã ba Phan Đình Phùng đến ngã tư Hà Huy Tập	960
22.2	Từ ngã tư Hà Huy Tập đến đường Nguyễn Văn Linh	1.320
23	Đường Phan Đình Phùng	
23.1	Từ Quốc lộ 20 đến ngã ba Phan Đăng Lưu	1.440
23.2	Từ ngã ba Phan Đăng Lưu đến ngã tư Trường Chinh	1.080
23.3	Từ ngã tư Trường Chinh giáp ngã tư Lý Thái Tổ	840
24	Đường Lý Thái Tổ	
24.1	Từ đường Trường Chinh đến ngã tư Phan Đình Phùng	600
25	Đường Trường Chinh	
25.1	Ngã ba Phan Đình Phùng đến ngã tư Trường Chinh	720
25.2	Từ đường Trường Chinh đến đường Trần Phú	840
26	Đường Phạm Hùng	
26.1	Ngã ba Phan Đình Phùng đến ngã tư Đinh Tiên Hoàng	960
26.2	Ngã tư Đinh Tiên hoàng đến ngã ba Trần Phú	1.080
27	Đường Bà Triệu	960
CÁC ĐOẠN THUỘC KHU QUY HOẠCH THANH THANH:		
1	Đường đôi thuộc khu quy hoạch Thanh Thanh	1.440

SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
2	Đoạn giáp chợ đầu mối từ Lê Hồng Phong đến hết đoạn giáp	1.440
3	Đoạn còn lại giáp chợ đầu mối	1.080
4	Các trục còn lại của khu quy hoạch Thanh Thanh	1.080



B. ĐẤT DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m²

SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
I	Xã Hiệp An	
	Khu vực 1:	
1	Đường quốc lộ 20 qua địa bàn xã từ giáp xã Hiệp Thanh đến giáp địa phận Đà Lạt.	960
2	Các đường nhánh từ QL 20 đi vào.	
	Từ Quốc lộ 20 đến ngã ba công ty vàng, bạc, đá quý	216
	Từ Quốc lộ 20 vào nghĩa trang đến ngã ba nhà Thao Hường	180
	Từ ngã ba nhà Nga Hiếu đến ngã ba sát nhà ông Lê Văn Ba	240
	Từ ngã ba quạt gió đến ngã ba kho xưởng (Quốc lộ 20 cũ)	180
	Đường vào thôn K'Long C đến giáp cống mương thủy lợi	180
	Đường vào thôn Tân An đến ngã ba cây Đa	216
	Đường sát trường THCS đến mương thủy lợi	180
	Đường vào thôn K'Rên đến ngã ba nhà thờ	180
	Từ ngã ba nhà thờ Prenn đến hết đất vườn ông Vi Quốc Bảo	120
	Các đoạn còn lại của các trục trên	144
	* Các đoạn đường quy hoạch tái định cư xã Hiệp An:	
	- Đoạn từ quốc lộ 20 vào đến 50m	624
	- Đoạn từ quốc lộ 20 vào từ 50m đến 100m	528
	- Đoạn từ quốc lộ 20 vào từ 100m đến 200m	480
	Các nhánh từ quốc lộ 20 đi vào còn lại (từ quốc lộ 20 đi vào có mặt đường rộng từ 2m đến 3m)	144
	Từ quốc lộ 20 đến cống làng nghề K'Long	180
3	Ngã ba vào thôn Đarahoa đến giáp đường vào mỏ đá	180
	Khu Vực 2	

SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
1	Các đoạn đường liên thôn xóm còn lại	120
	Khu Vực 3	
1	Các khu vực còn lại	84
II	Xã Hiệp Thạnh	
	Khu Vực 1	
1	Đường Quốc lộ 20	
	Từ giáp thị trấn Liên Nghĩa đến ngã ba vào khu tập thể cà phê cũ	1200
	Từ ngã ba vào khu tập thể cà phê cũ đến ngã ba đường vào kho muối	1680
	Từ ngã ba đường vào kho muối đến giáp trụ sở UBND xã mới	2160
	Từ UBND xã mới đến hết trường Quảng Hiệp	1200
	Từ trường Quảng Hiệp đến giáp xã Hiệp An	960
2	Đường Quốc lộ 27	
	Từ trung tâm ngã 3 Fimnôm đến hết cây xăng Hạnh Phúc	1440
	Từ hết cây xăng Hạnh Phúc đến cầu Fimnôm	1200
	Từ cầu Fimnôm đến giáp huyện Đơn Dương	600
	Khu Vực 2	
1	Đường Bông Lai:	
	Từ Quốc lộ 20 đến ngã ba nhà ông Lê Phước Mỹ.	360
	Từ nhà ông Lê Phước Mỹ đến đường vào chùa An Sơn	480
	Từ chùa An Sơn đến chùa Phật Mẫu	300
	Từ chùa Phật mẫu đến giáp cầu sắt huyện Đơn Dương	120
	Các trục đường đường liên thôn (Từ QL20 đi vào thôn Phú Thạnh)	
	Đường cạnh nhà thờ Liên Khương đến ngã ba trục thôn Phú Thạnh	180
	Đường vào trường tiểu học Phú Thạnh đến ngã ba trục thôn Phú Thạnh	180
	Đường ngã ba ông Trần Nại đến ngã ba trục thôn Phú Thạnh	180
	Đường ngã ba nhà ông Sáu Cư đến ngã ba trục thôn Phú Thạnh	180
	Đường vào nghĩa trang đến ngã ba trục thôn Phú Thạnh	180
	Đường Cạnh quán cơm Ngọc Hạnh đến hết nhà ông Tám Sung	180
	Đường cạnh nhà ông Hà Sơn đến hết nhà ông Trần Quốc Tuấn	180
	Đường trục liên thôn Phú Thạnh – Fimnôm	180
	Đường vào kho muối đến cầu kho muối	180

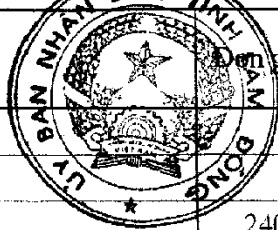
7

SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
	Đường vào thủy điện Quảng Hiệp đến giáp suối	180
	Đường từ ngã ba trại cá Trung Kiên đi lò gạch 7/5	180
	Đường từ quốc lộ 20 vào công ty công ty thuốc lá đến đầu trụ sở công ty thuốc lá	180
	Đường ông Tàu Lý đến hết đất ông Mạnh	180
	Đường Quốc lộ 20 đến ngã ba khu tập thể cà phê cũ	180
	Từ ngã ba ông Phát đến nương thủy lợi vượt cấp Quảng Hiệp	144
	Trục thôn Phú Thạnh từ ngã ba Nghĩa trang đến ngã ba Trường Tiểu học	144
	Ngã ba Quốc lộ 20 giáp nhà ông Hà đến giáp đường trục thôn Quảng Hiệp	180
	Ngã ba Quốc lộ 20 giáp nhà ông Lê Phước Thiện đến giáp đường trục thôn Quảng Hiệp	180
	Các trục đường liên thôn còn lại (mặt đường rộng trên 3m)	96
	Khu Vực 3	
	Các khu vực còn lại	60
III	Xã Liên Hiệp	
	Khu Vực 1	
	Đường Quốc lộ 27	
	Từ giáp TT Liên Nghĩa đến giáp UBND xã Liên Hiệp	1080
	Từ giáp UBND xã Liên Hiệp đến ngã ba giáp nhà ông Thanh	1080
	Từ ngã ba nhà ông Thanh đến hết ngã ba vào kho lương thực	840
	Từ hết ngã ba vào kho lương thực đến Km4	600
	Từ Km4 đến giáp xã N'Thôn Hạ	480
	Khu Vực 2	
1	Đường cống vàng vào ngã ba nhà thờ	
	Từ ngã ba cống vàng đến giáp ngã tư thứ nhất	660
	Từ ngã tư thứ nhất đến giáp ngã tư thứ hai	660
	Từ ngã tư thứ hai đến ngã ba nhà thờ	540
2	Các trục đường liên thôn	
	Từ ngã ba nhà thờ An Hoà đến ngã tư nhà Ô. Trần Diệu	240



SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
	Từ Ngã ba nhà thờ An Hoà đến mương thủy lợi xây	240
	Từ mương thủy lợi xây đến hết trường tiểu học Gan Reo	204
	Từ ngã ba nhà thờ An Hoà đến giáp Nghĩa Trang An Hiệp	204
	Từ ngã tư nhà ông Trần Diệu đến giáp khu phố 6	204
	Từ giáp khu phố 6 đến giáp đường cao tốc	240
	Từ ngã tư Chùa đến ngã ba hết đất nhà Ô.Ngự	1080
	Từ Giáp đất Ô. Ngự đến ngã tư trạm điện Nông trường Ngô	840
	Từ ngã tư trạm điện Nông trường Ngô đến giáp xã N'Thôn Hạ	480
	Từ ngã tư chùa đến giáp ngã ba phi trường	1080
	Các trục đường liên thôn còn lại(mặt đường rộng từ 3m trở lên)	180
	Khu Vực 3	
	Các khu vực còn lại	96
IV	Xã N'Thôn Hạ	
	Khu Vực 1	
1	Đường Quốc lộ 27	
	Từ giáp Liên Hiệp đến ngã ba đường vào mỏ đá N'Thôn Hạ	240
	Từ ngã ba vào mỏ đá đến ngã ba hồ Sre Kil thôn Đoàn kết	300
	Từ ngã ba vào hồ Sre Kil đến giáp xã Bình Thạnh	216
2	Đường đi Nam Ban	
	Từ ngã ba cửa rừng đến cống băng qua đường	300
	Từ cống băng qua đường vào 400m	180
	Đoạn còn lại đến giáp xã Gia Lâm (huyện Lâm Hà)	120
	Khu vực 2	
1	Các tuyến đường liên thôn	
	Đường ngã ba trạm xá đến ngã ba ông Ha Chú B	300
	Đoạn còn lại đi Nghĩa Lâm	240
	Từ nhà ông Ha Chú B đến nhà thờ Bon Kơn	180
	Các trục đường liên thôn mặt đường rộng trên 3m	72
	Khu Vực 3	
	Các khu vực còn lại	48
V	Xã Bình Thạnh	

9



SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
	Khu vực 1	
	Đường Quốc lộ 27	
	Từ giáp xã N'Thôn Hạ đến hết UBND Xã Bình Thạnh	240
	Từ giáp UBND xã Bình Thạnh đến cổng nghĩa trang Thanh Bình	300
	Từ cổng nghĩa trang Thanh Bình đến cầu Thanh Bình	360
	Từ cầu Thanh Bình đến ngã ba xóm 3 đi Kim Phát	300
	Từ ngã ba xóm 3 đến giáp Lâm Hà	216
	Khu vực 2	
1	Đường Liên xã: Đường từ Tân Hội đi Lâm Hà	120
2	Đường Liên thôn:	
	Từ ngã 3 bà Oai đến ngã ba ông Thái (Thanh Bình 1)	120
	Từ ngã tư ông Thiên (Thanh Bình 2) đến giáp sông Cam Ly	120
	Đường ngã tư chợ đến sông Cam Ly	120
	Đường ngã tư nhà ông Hiếu đến ngã ba nhà ông Chư	120
	Ngã tư HTX Thanh Bình 1 đến ngã ba nhà bà Hồng	120
	Từ ngã ba nhà ông Viễn đến ngã ba nhà ông Dương	120
	Từ ngã ba nhà ông Thanh đến ngã ba nhà ông Ban	120
	Từ ngã ba nhà ông Vũ Tỉnh đến ngã tư nhà ông Hưởng	120
	Từ ngã ba nhà ông Đầu đến ngã tư nhà ông Hứa	120
	Từ ngã ba nhà ông Việt đến ngã ba nhà ông Thường	120
	Từ ngã ba đường lò gạch đến cầu mới	120
	Từ ngã ba sân bóng đến giáp đến giáp sông Cam Ly	120
	Từ ngã ba nhà thờ Thanh Bình đến ngã ba nhà ông Tập	120
	Từ ngã ba nhà ông Ký đến ngã ba nhà ông Phương	120
	Từ ngã ba nhà ông Hảo đến giáp mương thủy lợi	120
	Từ ngã ba nhà ông Quang đến ngã ba nhà ông Kỳ	120
	Các trục đường liên thôn còn lại	72
	Khu vực 3	
	Các khu vực còn lại	48
VI	Xã Phú Hội	

SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
1	Đường Quốc lộ 20:	
	- Từ giáp TT Liên Nghĩa đến cách ngã ba xóm Chung 100m (về hướng Liên Nghĩa).	960
	- Đoạn còn lại từ ngã ba xóm Chung đến qua ngã ba Tân Hội 100m	960
	- Đoạn còn lại đến cầu Đại Ninh	720
2	Đường vào xã Tân Hội	
	- Từ ngã 3 Tân hội vào 200 mét	480
	- Đoạn còn lại đến giáp xã Tân hội	300
3	Đường Thống nhất kéo dài đến ngã 3 Xóm chung	
	- Từ giáp TT Liên nghĩa đến cổng nghĩa trang Phú Hội	480
	- Đoạn còn lại đến ngã 3 Xóm chung	360
4	Đường thôn Phú Trung (nối đường thống nhất với QL 20)	300
5	Hẻm 1185 (ranh Phú Hội – Liên Nghĩa đi Phú Hội)	300
6	Hẻm 1122 (ranh Phú Hội – Liên Nghĩa đi Tân Phú)	
	- Từ Quốc lộ 20 vào 100m	300
	- Đoạn còn lại	180
7	Đường đi Pré đoạn từ giáp đường Thống Nhất đến suối đá	180
8	Khu Tái định cư thôn Phú Hòa	300
9	Khu tái định cư thôn Pré	120
	Khu vực 2	
1	Đường đi thác PouGouh từ QL20 đến giáp chân Ruộng	240
2	Từ giáp chân ruộng (đường đi thác PouGouh) đến giáp xã Tân Thành.	120
3	Đường xóm 1 thôn Phú An (Quốc lộ 20 đi cầu treo)	240
4	Đường từ Quốc lộ 20 vào khu A Chi Rông đến cuối làng	180
5	Đường từ Quốc lộ 20 vào khu B Chi Rông đến hết nhà YaBê	120
6	Đường từ Quốc lộ 20 vào khu 5 (thôn R'Chai 1) đến hết đất nhà Ha K'Ra	120
7	Đường từ Quốc lộ 20 vào khu 6 (thôn R'Chai 1) đến hết đất nhà K'Biên	120
8	Các khu vực đường liên thôn còn lại (mặt đường rộng từ 3m trở lên)	84

SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
	Khu vực 3	
	Các khu vực còn lại	60
VII	Xã Tân Hội	
	Khu Vực 1	
1	Tuyến đường Liên Huyện	
	Từ giáp xã Phú Hội đến hết ngã ba đi Tân Thành (Xóm 1 Tân Đà)	240
	Từ ngã ba đi Tân Thành đến hết trường tiểu học Tân Đà	300
	Từ trường tiểu học Tân Đà đến ngã tư Tân Đà-Tân Trung-Tân Lập.	420
	Từ ngã tư đến cống 1 xóm 1 Tân Trung	480
	Từ cống số 1 xóm 1 thôn Tân trung đến giáp khu đất quy hoạch chợ Tân Hội	540
	Từ giáp khu đất quy hoạch chợ Tân Hội đến hết ngã ba đường 3/2 xóm 2 Tân Hiệp	720
	Từ ngã ba giáp đường 3/2 đến hết hội trường thôn Tân Hiệp	480
	Từ hội trường thôn Tân Hiệp đến hết ngã ba Tân Hiệp- Ba Cản	360
	Từ ngã ba ba cản đến cống số 2 hết thôn Ba Cản	300
	Từ giáp thôn Ba Cản đến ngã ba đi Đình Văn-Bình Thạnh	240
	Từ ngã ba đi Đình Văn – Bình Thạnh đến giáp huyện Lâm Hà	180
2	Tuyến đường liên xã	
	Từ giáp đường liên huyện đến giáp sân bóng Tân Hội	720
	Từ ngã ba đi Tân thành thuộc xóm 1 Tân Đà đến giáp xã Tân Thành	240
	Từ ngã ba giáp đường 3/2 đến cống số 1 đường 3/2	480
	Từ cống số 1 đường 3/2 đến cống số 2 giáp xã Tân Thành	300
	Khu Vực 2	
1	Tuyến đường Liên xã	
	Từ ngã ba Tân Hiệp- Ba Cản đến giáp Tân Thành	96
	Từ ngã ba đường đi Đình Văn- Bình Thạnh đến giáp xã Bình Thạnh	96
	Từ giáp sân bóng xã Tân Hội đến hồ Suối Dứa	180
	Từ hồ suối Dứa theo đường liên thôn Tân An-Tân Phú đến giáp xã Phú Hội	96



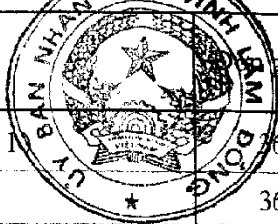
9

SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
	Từ trạm Y tế xã đi Láng Cam đến xóm 2 Tân Trung	120
	Đường xóm 2 thôn Tân An	96
	Đường xóm 2 thôn Ba Cản	96
	Đường từ cuối thôn Ba Cản đến giáp đường liên thôn Tân An – Tân Phú	96
	Khu Vực 3	
	Các khu vực còn lại	60
VIII	Xã Tân Thành.	
1	Tuyến Liên huyện: Từ Phú Hội đến cống giáp ranh xã Tân Hội	240
2	Tuyến liên xã:	
	Từ cống địa giới đến hết nhà ông Nguyễn Hoàng.	108
	Từ nhà ông Nguyễn Hoàng đến hết đất nhà ông Lộc Văn Trí	84
	Từ nhà ông Lộc Văn Trí đến hết đất nhà ông Hiến	72
	Từ giáp đất ông Hiến đến giáp nhà ông Nông Phùng Quý	108
	Từ đất nhà ông Nông Phùng Quý đến giáp đất nhà ông Hà Thanh Nghị	144
	Từ đất nhà ông Hà Thanh Nghị đến hết đất nhà ông Vy Minh Thành	120
	Từ giáp đất nhà ông Vy Minh Thành đến hết đất bà Dìn Thị Lộc	96
	Từ giáp đất bà Dìn Thị Lộc đến hết đất nhà bà Sĩ Bá Thanh	132
	Từ giáp đất nhà bà Sĩ Bá Thanh đến hết đất nhà ông Nguyễn Thiện	144
	Từ giáp đất nhà ông Nguyễn Thiện đến hết đất nhà ông Nguyễn Ngô	108
	Từ giáp đất nhà ông Nguyễn Ngô đến hết đất nhà ông Bùi Phú Quốc	96
	Từ giáp đất nhà ông Bùi Phú Quốc đến hết đất nhà bà Bảy	120
	Từ giáp đất nhà bà Bảy đến giáp đất nhà ông Đỗ Tiến Lãng	84
	Từ đất nhà ông Đỗ Tiến Lãng đến cầu Kon Tắc Đa	108
	Từ cống giáp ranh xã Tân Hội đến ngã tư đường liên xã (đường 3/2)	144
3	Tuyến Liên thôn.	
	Từ cống đội 9 Tân Hội đến ngã ba vào hầm cát	84

SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
	Từ hội trường thôn Tân Thịnh đến ngã ba nhà bà Phú	72
	Từ nhà ông Linh Văn Vinh đến hết đất nhà ông Chu Văn Thạc	72
	Từ ngã ba hầm cát đến hết nhà ông Hứa Văn Phước	60
	Từ ngã ba nhà ông Hoàng Mộng Hùng đến nhà ông Lò Xuân Hà	84
	Các tuyến liên thôn, xóm có bề rộng từ 3m trở lên	48
	Các khu vực còn lại	36
IX	Xã Ninh Gia	
	Khu vực 1:	
1	Đường Quốc lộ 20:	
	Từ cầu Đại Ninh đến nhà Hồ Thị Hoàng	840
	Từ nhà Hồ Thị Hoàng đến đầu dốc Đăng Sol (nhà Mỹ Lê)	1200
	Từ đầu dốc Đăng Sol đến cổng Đăng Sol	600
	Từ cổng Đăng Sol đến cầu Hiệp Thuận	420
	Từ cầu Hiệp Thuận đến ngã ba Tân Phú	300
	Từ ngã ba Tân Phú đến cầu le	180
2	Đường Vào Tà Hine.	
	Nhánh cũ (từ Quốc lộ 20 đến hết nhà Hồ Xuân Lưu)	720
	Nhánh mới tiếp giáp nhánh cũ (từ QL20 đến hết nhà ông Phiên)	600
	Từ ngã ba nhánh cũ và mới đến hết địa bàn thôn Ninh Hòa (nhà ông Lê Văn Hiếu)	360
	Từ giáp địa bàn thôn Ninh Hòa đến đường vào tiểu đoàn 840	240
	Từ tiểu đoàn 840 đến cầu Đăkra (giáp xã Tà Hine)	120
3	Đường vào thôn Thiện Chí (từ giáp đường QL20 đến hết khu tái định cư của đồng bào dân tộc thôn 6):	
	Giáp QL20 hết đất nhà ông Lạng	360
	Từ nhà ông Lạng đến hết khu tái định cư	180
	Khu vực 2	
1	Các trục đường Liên thôn(QL20 đi vào).	
	Từ nhà hàng Go Go đến mương thoát nước(trụ điện đôi)	240
	Từ ngã ba nhà Ô.Non đến ngã ba nhà Ô. Liên	300
	Từ ngã ba nhà Ô. Năng đến hết đất bà Phương	300



SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
	Từ ngã ba nhà Ô. Tính đến hết đất Ô. Đầu	300
	Từ ngã ba nhà Ô. Chương đến ngã ba nhà Ô. Sinh	360
	Đường vào thôn 6: Từ Nhà ông Ha Sang đến mương nước nhà Ô. Bình	120
	Các trục đường liên thôn còn lại	84
	Khu vực 3	
	Các khu vực còn lại	48
X	Xã Tà Hine	
1	Giáp xã Ninh Gia (từ cầu Đăckra) đến giáp xã Ninh Loan	72
2	Từ đầu nhà văn hóa đến mương thủy lợi	120
3	Từ mương thủy lợi đến giáp xã Đà Loan	72
4	Từ ngã ba đi Đà Loan đến ngã ba thác Bảo Đại	144
5	Từ ngã ba thác Bảo Đại đến thác Bảo Đại	96
6	Các trục đường chính liên thôn	48
7	Các khu vực còn lại	36
XI	Xã Ninh Loan	
1	Đường Liên tỉnh (tuyến đi Bắc Bình):	
	Từ giáp xã Tà Hine đến ngã ba Ông Tứ	96
	Từ ngã ba Ông Tứ đến ngã ba vào nhà ông Thanh (Thôn 3)	120
	Từ ngã ba ông Thanh đến cầu gần trường THCS	144
	Từ cầu đến ngã ba thôn 6	120
	Từ ngã ba thôn 6 đến hết nhà ông Điện	96
	Từ giáp nhà ông Điện đến giáp Bắc Bình	72
2	Đường Liên xã từ ngã ba ông Tứ đi Đà Loan	96
3	Đường vào UBND xã (từ ngã 3 đường liên tỉnh đến ngã ba đi thôn 10)	96
4	Các trục đường còn lại	
	Từ ngã ba thôn 10 đến hết đất nhà ông Mì	60
	Từ nhà ông Mì đến ngã ba nhà mồ	48
	Từ ngã ba nhà mồ đến hết sân bóng	36
	Từ ngã ba trạm xá đến hết đất nhà ông Hân (thôn 5)	60
	Từ ngã ba ông Đạt đến ngã ba đến ngã ba cây đa	72
	Từ ngã ba thôn 6 đến ngã ba nhà ông Mô (thôn 6)	48



SỐ TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Giá đất
	Từ ngã ba nhà ông Mô đến ngã ba nhà ông Sơn (thôn 1)	36
	Từ ngã ba thôn 10 tới ngã ba nhà ông Vực	36
	Từ hết chợ qua HTX đến đường Liên tỉnh	72
	Từ ngã ba nhà ông Thiêm đến ngã ba nhà ông Long	36
	Từ ngã ba nhà ông Vượng đến ngã ba nhà ông Nhâm	36
	Ngã ba nhà ông Đình (thôn 3) đến hết thôn 2	36
5	Các khu vực còn lại	30
XII	Xã Đà Loan	
	Khu vực 1	
1	Đường trục chính Liên xã	
	Từ giáp xã Tà Hine đến ngã ba thôn 1	96
	Từ ngã ba thôn 1 đến cầu thôn 2	144
	Từ cầu thôn 2 đến hết Trường tiểu học Đà Loan ngã ba đường vào sân bóng	300
	Từ hết trường tiểu học Đà Loan đến ngã tư đi thôn 7	480
	Từ ngã tư đi thôn 7 đến cầu Bà Bống	240
	Từ cầu Bà Bống đến ngã ba lên lò gạch	120
	Từ ngã ba lên lò gạch đến giáp xã Tà Năng	96
2	Đường thuộc khu quy hoạch trung tâm cụm xã Đà Loan	144
	Khu vực 2	
	Các trục đường chính liên thôn	72
	Khu vực 3	
	Các trục đường còn lại	36
XIII	Xã Tà Năng	
1	Giáp xã Đà Loan đến cầu dốc đỏ Khâm Prong	72
2	Cầu dốc đỏ đến cầu trạm xá	96
3	Từ cầu trạm xá đến ngã tư trung tâm xã	144
4	Từ ngã tư trung tâm xã đến ngã ba cầu vồng	72
5	Từ ngã ba cầu vồng đến cầu suối trong (sát nhà Hà Thế)	84
6	Từ cầu suối trong đến hết đường nhựa Ma Bó (Ha Ma Woai)	48
7	Các đường liên thôn xe ba bốn bánh ra vào được	36
8	Các khu vực còn lại	30

Vị trí 2: là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ khu vực sản xuất đến mép lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi trên 500 mét đến 1000 mét.

Vị trí 3: Các vị trí còn lại.

I. Giá đất trồng cây hàng năm:



Số TT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực 1	36	29	18
2	Khu vực 2	29	23	14
3	Khu vực 3	18	14	9

II. Giá đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản:

Đơn vị tính : nghìn đồng/m²

Số TT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực 1	30	24	15
2	Khu vực 2	24	19	12
3	Khu vực 3	15	12	8

III. Giá đất vườn, ao, đất nông nghiệp xen kẽ:

a) Giá đất trong các trường hợp sau được quy định bằng 1,5 lần mức giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:

Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn lác xã.

Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

b) Giá đất trong các trường hợp sau được quy định bằng 02 lần mức giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:

Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn thị trấn.

Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

V. Giá đất rừng sản xuất:

Đơn vị tính : nghìn đồng/m²

Số T	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
		12	10	6

Vị trí 1: là những diện tích đất có mặt tiền giáp với đường quốc lộ, tỉnh lộ

Vị trí 2: là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường liên huyện, liên xã.

Vị trí 3: là những diện tích đất còn lại.

V. Giá đất rừng phòng hộ và rừng cảnh quan:

Đất rừng phòng hộ: tính bằng 90% giá đất cùng hạng, cùng khu vực của đất rừng sản xuất.

Đất rừng cảnh quan tính bằng 110% giá đất cùng hạng, cùng khu vực của đất rừng sản xuất.